ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 571 /QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 04 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) về việc phê duyệt chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Phê duyệt Dự án thành phần 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú;

Căn cứ Văn bản số 5906/SXD-KCHTXD ngày 18/12/2025 của Sở Xây dựng về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần 2: Đầu tư tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đư ờng Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 71/TTr-SXD ngày 11/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Sông Lô, tỉnh Phú Thọ.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực Vĩnh Phúc**.**

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập, thẩm tra dự án:

- Đơn vị tư vấn khảo sát: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Sông Lô.

- Đơn vị tư vấn thiết kế lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Sông Lô và Công ty Cổ phần đầu tư M.E.

- Đơn vị tư vấn thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Minh Quân.

6. Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp III.

7. Mục tiêu đầu tư dự án: Dự án được đầu tư góp phần phát huy hiệu quả đ ầu tư dự án cầu Vĩnh Phú nhằm kết nối xã Sông Lô, xã Lập Thạch với phường Việt Trì qua sông Lô, kết nối các KCN Sông Lô I, KCN Sông Lô II, KCN Lập Thạch với các KCN Thụy Vân (qua cầu Vĩnh Phú),… kết nối với các tuyến đường giao thông trong khu vực như đường từ nút giao lập thể Văn Quán - Sông Lô, ĐT.306 và các tuyến đường địa phương nhằm góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực và của tỉnh.

8. Quy mô, giải pháp thiết kế đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô dự án:

Quy mô đầu tư xây dựng: Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.306, đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đi cầu Vĩnh Phú có điểm đầu tuyến tại vị trí giao với đường Văn Quán - Sông Lô, điểm cuối tuyến giao với đê Tả sông Lô tại lý trình Km23+850 với chiều dài khoảng L=5,153Km được cải tạo, nâng cấp như sau:

- Đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đến nút giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô, có chiều dài khoảng 2,0Km được thiết kế cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn Đường cấp III đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005 "Đường ô tô và yêu cầu thiết kế", Vận tốc thiết kế V_{tk} = 60km/h, quy mô mặt cắt ngang theo Quy hoạch điều chỉnh phát triển giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ,

như sau: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 12,0m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 11,0m, bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x0,5 =1,0m;

- Đoạn từ nút giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô đến cuối tuyến, giao với đê Tả sông Lô (theo lý trình của đê tại Km23+850, phía đồng) có chiều dài khoảng 3,153Km được thiết kế cải tạo, nâng cấp đạt chuẩn Đường phố gom chủ yếu theo tiêu chuẩn TCVN 13592:2022 "Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế", Vận tốc thiết kế V_{tk} = 60km/h, quy mô mặt cắt ngang theo Quy hoạch Xây dựng vùng phía Tây đô thị Vĩnh Phúc được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ phê duyệt tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, số 4164/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đức Bác được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ phê duyệt tại Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, như sau: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = (18 - 24)m, trong đó $B_{mặt}$ = 15,0m, $B_{hè}$ = thay đổi từ 2x(1,5-4,5)m cho phù hợp với điều kiện hai bên đường và phạm vi tĩnh ngang lưu thông của cầu chui đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai hiện hữu.

- Kết cấu áo đường mềm có mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 155$Mpa;

Các hạng mục đầu tư gồm: Nền, mặt đường; hệ thống thoát nước, hào kỹ thuật ngang, điện chiếu sáng, cây xanh, hè đường (đoạn qua khu dân cư) và an toàn giao thông đồng bộ.

8.2. Giải pháp thiết kế:

8.2.1. Hướng tuyến, bình đồ:

- Hướng tuyến tuân thủ theo hướng tuyến được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ chấp thuận tại Văn bản số 10805/UBND-CN1 ngày 03/12/2021 và phù hợp với Quy hoạch điều chỉnh phát triển giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 04/12/2020, Quy hoạch Xây dựng vùng phía Tây đô thị Vĩnh Phúc được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ phê duyệt tại Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, số 4164/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đức Bác được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũ phê duyệt tại Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 13/5/2021;

- Điểm đầu tuyến tại vị trí giao với đường Văn Quán - Sông Lô tại lý trình Km22+950 của ĐT.306, từ điểm đầu, tuyến đi theo ĐT.306 hiện hữu đến Km26+770, tuyến đi sang trái theo quy hoạch chung đô thị Đức Bác được duyệt và kết thúc tại điểm giao với đê Tả sông Lô (lý trình của đê Km23+850).

8.2.2. Thiết kế trắc dọc:

Đường đỏ được thiết kế theo phương pháp đường bao địa hình, tôn cao so với mặt đường cũ, bám sát cao độ mặt đường hiện trạng để giảm khối lượng bù vênh, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến cao độ nhà dân hai bên đường, đồng thời vẫn đảm bảo Mô đun đàn hồi $E_{ch} \geq 155$Mpa. Mặt khác, cao độ đường đỏ đảm bảo tuân theo cao độ tại các điểm khống chế được Sở Xây dựng thỏa thuận tại Văn bản số 547/SXD-QLNĐT&HT ngày 27/02/2023.

8.2.3. Thiết kế trắc ngang:

- Đoạn từ nút giao với đường Văn Quán - Sông Lô đến nút giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô thiết kế mặt cắt ngang với quy mô: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 12,0m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 11,0m, bề rộng lề đường $B_{lề}$ = 2x0,5 =1,0m (rãnh dọc thu nước mặt đường nằm trên phần lề, sát mép đường);

- Đoạn từ nút giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô đến cuối tuyến giao với đê Tả sông Lô (theo lý trình của đê tại Km23+850) thiết kế mặt cắt ngang với quy mô: Bề rộng nền đường $B_{nền}$ = (18-24)m, Bề rộng mặt đường $B_{mặt}$ = 15,0m, Bề rộng hè đường thay đổi $B_{hè}$ = 2x(1,5-4,5)m cho phù hợp với điều kiện hai bên đường và phạm vi tĩnh ngang lưu thông của cầu chui đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai hiện hữu.

8.2.4. Thiết kế nền đường:

- Đoạn từ đầu tuyến (Km0+00) đi theo ĐT.306 hiện hữu đến Km3+820: Nền đường gồm phần tận dụng mặt đường cũ và phần đào hoặc đắp cạp mở rộng cho đủ bề rộng với B_n = 12,0m;

- Đoạn từ Km3+820 đến Km5+135 (điểm cuối tuyến) giao với đê Tả sông Lô (lý trình của đê Km23+850): Nền đường về cơ bản là đắp mới hoàn toàn qua khu ruộng canh tác, trước khi đắp tiến hành vét bỏ lớp hữu cơ dày trung bình 0,5m sau đó đắp bằng đất cấp 3 đầm chặt K95. Lớp đất sát đáy kết cấu áo đường đắp trả bằng đất cấp 3 đầm chặt K98 dày 50cm. Riêng đoạn đi qua khu vực ao, hồ, khu vực địa chất là đất yếu, trước khi đắp nền tiến hành như sau:

+ Đoạn từ Km2+954 - Km2+999, phần hè phải của tuyến đi qua khu vực ao hồ: Vét bỏ một phần lớp đất bùn, không thích hợp dày trung bình 2,0m kết hợp với giải pháp gia cố nền bằng biện pháp đóng cọc tre dài 2,5m với mật độ 25 cọc/m2;

+ Đoạn tuyến từ Km3+488 - Km3+767, tuyến đi qua hồ Đồng Chấu: Vét bỏ một phần lớp đất bùn, không thích hợp dày trung bình 2,0m, xây tường chắn BTXM M250 thay thế đắp ta luy nền đường (giảm diện tích chiếm dụng lòng hồ);

+ Đoạn tuyến từ Km3+829 - Km4+482, đi qua khu vực địa chất là đất yếu: Xử lý nền đất yếu phía bên dưới bằng giếng cát với chiều sâu dự kiến từ (13,5 - 20,5)m, các giếng bố trí cách nhau 2,0m tạo thành hình vuông.

8.2.5. Thiết kế mặt đường:

Các lớp kết cấu áo đường được thiết kế đảm bảo mặt đường có Mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq$155Mpa, tải trọng trục tính toán 100KN. Các loại kết cấu áo đường áp dụng trên tuyến như sau:

- Kết cấu loại 1 (KC1): Áp dụng cho phạm vi cạp mở rộng sang hai bên và phạm vi nền đường làm mới, gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau:

+ Lớp BTN C16 dày 5cm;

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m2;

+ Lớp BTN C19 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m2;

+ Lớp móng CPĐD lớp trên D_{max}=31,5mm gia cố XM5% dày 15cm;

+ Lớp móng CPĐD lớp dưới D_{max}=37.5 dày 30cm (chia hai lớp khi thi công);

+ Lớp đất C3 đầm chặt K98 dày 50cm.

- Kết cấu loại 2A (KC2A) áp dụng cho phạm vi thảm tăng cường trên mặt đường BTN cũ, gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau:

+ Lớp BTN C16 dày 5cm;

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m2;

+ Lớp BTN C19 dày 7cm;

+ Bù vênh trên mặt đường cũ bằng BTN C19 hoặc CPĐD gia cố XM 5%, tùy theo từng vị trí;

+ Tưới nhũ tương dính bám 0,5kg/m2 trên mặt đường cũ nếu bù vênh bằng BTN C19 hoặc tưới nhũ tương thấm bám 1,0kg/m2 trên mặt lớp bù vênh bằng CPĐD gia cố XM 5%;

+ Mặt đường BTN hiện trạng.

- Kết cấu loại 2B (KC2B) áp dụng cho phạm vi mặt đường cũ bị hư hỏng (E_0<140Mpa), gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau:

+ Lớp Bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm.

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m2.

+ Lớp Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m2.

+ Lớp móng CPĐD gia cố xi măng 5% dày 15cm.

+ Lớp móng CPĐD lớp dưới D_{max}=37.5 dày 30cm (chia hai lớp khi thi công);

+ Xáo xới nền đường cũ và đầm chặt K98 với chiều dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường loại 3 (KC3) Áp dụng cho phạm vi vuốt nối với đường ngang, lối rẽ (ngõ xóm, đường liên thôn, đường nội đồng) có mặt đường hiện trạng là BTN hoặc BTXM, gồm các lớp vật liệu từ trên xuống như sau:

+ Lớp BTN C16 dày 5cm;

+ Bù vênh trên mặt đường cũ bằng BTN hoặc CPĐD tùy từng vị trí;

+ Tưới nhũ tương dính bám 0,5kg/m2 trên mặt đường cũ nếu bù vênh bằng BTN hoặc tưới nhũ tương dính bám 1,0kg/m2 trên mặt lớp bù vênh bằng CPĐD;

+ Mặt đường cũ.

8.2.6. Thiết kế thoát nước:

a. Thoát nước dọc:

- Đoạn từ Km0+00 - Km2+20 (hai bên đường): Thiết kế rãnh dọc bằng BTXM M250, khẩu độ B40, thoát nước mặt. Bố trí các hố ga bằng gạch xây và cửa thu nước mặt đường cách nhau trung bình khoảng (25-30)m;

- Đoạn từ Km2+40 - Km3+820 và Km4+806 đến cuối tuyến (hai bên hè đường): Thiết kế hệ thống cống tròn BTCT M250, ĐK = 0,8m thu nước mặt đường từ các cửa thu đặt tại rãnh tam giác. Bố trí các hố ga bằng BTXM M200 và cửa thu nước mặt đường cách nhau trung bình khoảng (25-30)m;

b.Thoát nước ngang:

- Thiết kế 04 cống hộp BxH=(0,8x0,8)m thoát nước hệ thống cống dọc trên hè ra vị trí tụ thủy (kênh, mương dẫn), 03 cống tròn ĐK=1,0m kết hợp thoát nước hệ thống cống dọc trên hè và thoát nước địa hình;

- Thiết kế nối dài 06 cống tròn hiện trạng ĐK=0.8m;

- Thiết kế 01 cống hộp BxH=(3,0x3,0)m thay thế cống hiện trạng cũ bằng gạch xây do nền đường cắt qua kênh thủy lợi;

- Các đốt cống hộp BxH=(0,8x0,8)m bằng BTCT M300 đúc sẵn, lắp ghép. Cống hộp BxH=(3,0x3,0)m bằng BTCT M300 đổ tại chỗ. Cống tròn ĐK=0,8m, ĐK=1,0m, ĐK=1,5m bằng BTCT M300 đúc sẵn, lắp ghép. Tường đầu, tường cánh, sân cống, móng cống bằng đá hộc xây vữa XM M100.

c. Hoàn trả mương thủy lợi:

Xây hoàn trả mương thủy lợi những đoạn mương xây hiện trạng bị nền đường chiếm dụng như sau:

- Đoạn từ Km0+787 - Km0+834 (bên phải tuyến) và đoạn từ Km1+732 - Km1+831 (bên trái tuyến): thiết kế hoàn trả mương thủy lợi bằng BTXM M200 kích thước BxH_{tb} = (60x100)cm;

- Đoạn từ Km2+52 - Km2+115 (phía bên trái tuyến): thiết kế hoàn trả mương bằng gạch xây vữa XM M75 kích thước BxH = (60x70)cm.

8.2.7. Hè phố, cây xanh:

- Lát hè bằng gạch Tezzaro kích thước (40x40x3)cm, bên dưới là lớp BTXM lót móng M150 dày 10cm. Bó vỉa hè, tấm đan rãnh thoát nước mặt đường bằng BTXM M250;

- Đoạn qua khu dân cư trồng cây xanh (cây Giáng Hương, Sáo đen, …) trên hè với khoảng cách giữa các cây trung bình là 10m/cây. Đường kính thân cây (tính từ mặt đất lên 1,2m) trung bình ≥10cm.

8.2.8. Hào kỹ thuật ngang đường:

Thiết kế hào kỹ thuật tại các vị trí giao cắt với đường tỉnh, đường ngang hiện hữu và đường quy hoạch Km0+22,10, Km2+66,84, Km3+776,28, Km3+851,00, Km4+307,94, Km4+384,57, Km4+727,19, Km4+787,19. Các đốt hào kỹ thuật bằng BTCT M250, kích thước BxH=(1,4x1,6)m, đúc sẵn lắp ghép.

8.2.9. Các nút giao trên tuyến:

- Nút giao đầu tuyến với đường Văn Quán - Sông Lô: Thiết kế giao cắt cùng mức, điều khiển phương tiện qua nút bằng đèn tín hiệu (hiện trạng đã có) kết hợp với hệ thống vạch sơn, biển báo theo quy định;

- Nút giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô: Thiết kế giao cắt cùng mức, các phương tiện qua nút tự điều chỉnh. Bố trí đầy đủ hệ thống vạch sơn, biển báo theo quy định, trước nút giao bố trí đèn nháy vàng cảnh báo trên các hướng;

- Nút giao cuối tuyến với đê Tả sông Lô: Thiết kế giao cắt cùng mức, bố trí đảo tròn trung tâm bán kính R=10,0m, bố trí đầy đủ hệ thống vạch sơn, biển báo theo quy định, trước nút giao bố trí đèn nháy vàng cảnh báo trên các hướng. Mở rộng nền, mặt đường đê Tả Lô để bố trí làn rẽ phải và làn nhập trước khi nhập vào đê theo ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Văn bản số 6919/BNN-ĐĐ ngày 28/9/2023;

- Các vị trí giao cắt với đường huyện, đường xã, liên thôn còn lại thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận.

8.2.10. Hệ thống tín hiệu đường bộ:

Thiết kế hệ thống tín hiệu đường bộ (Biển báo, vạch sơn, công trình phòng hộ,...) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

8.2.11. Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, cấp điện:

- Đoạn đầu tuyến (giao với đường Văn Quán - Sông Lô) đến Km2+00 (giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô): Bố trí cột đèn chiếu sáng một bên đường, Khoảng cách trung bình giữa các đèn 33m, các cột đèn chiếu sáng thân bát giác cao 11m (trong đó cột 9m + cần đơn cao 2m, vươn 1,5m). Đèn chiếu sáng bằng đèn Led 120W - DIM tiết kiệm điện;

- Đoạn từ Km2+00 (giao với tuyến nhánh của đường Văn Quán - Sông Lô) đến Km2+184 và từ Km4+806,69 đến cuối tuyến (giao với đê tả sông Lô): Bố trí cột đèn chiếu sáng so le hai bên đường. Khoảng cách trung bình giữa các đèn 40m, các cột đèn chiếu sáng thân bát giác cao 11m (trong đó cột 9m + cần đơn cao 2m, vươn 1,5m). Đèn chiếu sáng bằng đèn Led 120W - DIM tiết kiệm điện;

- Lắp đặt 01 cột bát giác 14m, lọng bắt 08 đèn pha Led 200W tại vị trí đảo tròn trung tâm;

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp có công suất TBA T1-50kVA-22/0,4kV và sử dụng 02 trạm biến áp hiện có TBA Đồng Thịnh 9 và TBA Đức Bác để cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế đối với các công trình thuộc dự án: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- TCVN 4054-2005 - Đường ô tô và yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 13592-2022 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 41:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu;

- TCCS 37:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn cơ sở Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Tiêu chuẩn cơ sở Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật;

- TCVN13567:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 14270:2024 - Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8858:2023 - Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu';

- TCVN 9436:2012 - Nền đường - Thi công và nghiệm thu;

- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCCS 34:2020/TCĐBVN - Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8791:2018 - Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;

- Tiêu chuẩn TCVN 7887:2018 - Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;

- TCVN 13573:2022 - Ống và cống thoát nước - Thi công, thử nghiệm và các tài liệu viện dẫn;

- Thoát nước - mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCXD 7957:2023;

- TCVN 13579-1:2022 - Phần đỉnh hố thu và phần đỉnh hố ga cho khu vực đi bộ và phương tiện giao thông lưu thông và các tài liệu viện dẫn;

- Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Ban hành quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô;

- Quy phạm trang bị điện 11- TCN -18,19 - 2006 do Bộ công nghiệp ban hành;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13608:2023 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: 190.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng 169.704.873.000 đồng;
- Chi phí thiết bị 216.475.000 đồng;
- Quản lý dự án 2.687.212.000 đồng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng 7.457.760.000 đồng;
- Chi phí khác 2.234.831.000 đồng;
- Dự phòng 7.698.849.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn vốn đầu tư công cấp tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định; chỉ triển khai theo nguồn vốn được bố trí, đảm bảo không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trong quá trình triển khai thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, nghiên cứu và thực hiện các nội dung kiến nghị của cơ quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng dự án, địa phương để nhận bàn giao mặt bằng thi công dự án đúng thời gian, tiến độ, chất lượng, không gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước, phát huy hiệu quả đầu tư dự án được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Ban Quản lý dự án khu vực Vĩnh Phúc, Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực Vĩnh Phúc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sông Lô và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- CV: CN1,2,9;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm